

Bản án số: 14/2026/DS - ST

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

*“V/v Tranh chấp kiện đòi
tài sản là tiền.”*

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông;

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp K đòi tài sản là tiền. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2025 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc M trình bày:

Anh Nguyễn Ngọc M và anh Nguyễn Đức Đ quen biết nhau là bạn ngoài xã hội. Ngày 28/12/2020 (âm lịch) anh M có cho anh Nguyễn Đức Đ vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) mục đích cho vay là đầu tư thiết bị, nhà xưởng. Hai bên thống nhất thỏa thuận bằng miệng số tiền lãi hàng tháng anh Đ phải trả cho anh M là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và trả vào ngày mùng 5 hàng tháng. Anh M và anh Đ không thỏa thuận về thời hạn trả số tiền vay tuy nhiên anh M có nói với anh Đ là khi anh cần tiền thì anh Đ phải trả toàn bộ tiền gốc cho anh M bất cứ lúc nào. Tuy nhiên kể từ ngày anh M cho anh Đ vay tiền, anh Đ không thực hiện theo đúng hẹn, **không** thanh toán

tiền lãi hàng tháng cho anh M. Anh Đ chỉ trả được **vài lần tiền lãi mỗi lần** chỉ khoảng 1.000.000 đồng, số tiền lãi trả rất nhỏ nên giữa anh M và anh Đ không lập biên bản gì về việc trả số tiền lãi trên. Đến nay anh M đã gọi điện, nhắn tin hẹn gặp mặt để đòi anh Đ số tiền gốc và lãi thì anh Đ trốn tránh và tìm đủ lý do để không trả nợ cho anh M. Quá trình nộp đơn khởi kiện anh M yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đức Đ phải trả đủ cả số tiền gốc và lãi phát sinh từ ngày vay nợ đến nay cho anh là: 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), (trong đó có: 150.000.000 đồng tiền gốc và 120.000.000 đồng tiền lãi). Trong quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ anh M tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải trả số tiền lãi trên mà chỉ yêu cầu trả toàn bộ số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và phải trả ngay làm một lần. Anh M chỉ yêu cầu anh Đ là người trực tiếp vay tiền anh và cũng là người trực tiếp phải trả toàn bộ số tiền vay cho anh, anh không yêu cầu ai khác cùng trả số tiền trên. Ngoài ra anh M không có ý kiến trình bày gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Đức Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Anh Đại quen và chơi với anh Nguyễn Ngọc M từ năm 2012 đến ngày 28 tháng 12 năm 2020 (âm lịch) do cần tiền để đầu tư thiết bị làm sưởng gia công cơ khí nên anh có hỏi vay tiền anh M. Anh M đồng ý cho anh vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn), khi vay trong hợp đồng không ghi số tiền lãi hàng tháng trả tuy nhiên giữa anh và anh M thỏa thuận miệng với nhau là mỗi tháng anh trả anh M 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng tiền lãi). Sau khi vay tiền của anh M thì anh đã trả tiền lãi cho anh M được một số tháng, **anh** không nhớ số tiền lãi trả là bao nhiêu. Số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng chưa trả được đồng nào. Hiện tại anh M khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền 150.000.000 đồng nợ gốc và 120.000.000 đồng tiền lãi của số tiền gốc. Trong quá trình giải quyết vụ án anh M thay đổi quan điểm chỉ yêu cầu anh trả toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng nợ gốc và không yêu cầu phải trả số tiền lãi. Anh hoàn toàn đồng ý về việc anh M thay đổi quan điểm không yêu cầu anh phải trả số tiền lãi của số tiền gốc 150.000.000 đồng. Do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên anh Đ xin trả dần số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng cho anh M làm nhiều lần trong nhiều năm. Tại phiên tòa anh Đ không có ý kiến **đề nghị gì** về số tiền đã trả lãi cho anh M. Toàn bộ số tiền trên là anh Đ vay riêng để đầu tư làm ăn bố mẹ **anh** hoàn toàn không biết và không liên quan đến số nợ trên của anh.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273, 280, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc M đối với số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Đức Đ phải trả cho anh Nguyễn Ngọc M số tiền 150.000.000 đồng. Về tiền lãi: Do anh Nguyễn Ngọc M đã rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi nên cần đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đức Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật đối với nghĩa vụ thanh toán số tiền 150.000.000 đồng cho anh Nguyễn Ngọc M. Không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp về kiện đòi tài sản là tiền” giữa anh Nguyễn Ngọc M đối với anh Nguyễn Đức Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đ cư trú tại thôn T, xã T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 Phú Thọ theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản là tiền nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của .

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc M yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đức Đ phải trả số tiền là 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 20/12/2020 (âm lịch) là ngày 09/02/2021 dương lịch anh M có cho anh Đ vay số tiền 150.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền không có thỏa thuận

về lãi suất và thời hạn trả tiền. Phía dưới giấy vay tiền có chữ ký của bên cho vay và bên vay, trong quá trình giải quyết vụ án anh M trình bày có thỏa thuận miệng anh Đ trả lãi hằng tháng mỗi tháng 4.000.000 đồng. Bị đơn anh Đại thừa N số tiền vay, ngày tháng năm lập hợp đồng là đúng như nguyên đơn cung cấp, bị đơn cũng cho rằng hai bên thỏa thuận mỗi tháng anh Đ phải trả anh M 4.500.000 đồng tiền lãi tuy nhiên trong suốt quá trình vay vốn anh Đ chỉ trả được anh M vài lần, số lần trả tiền lãi rất nhỏ mỗi lần chỉ khoảng 1.000.000 đồng và cả hai bên đều không có giấy tờ xác nhận việc trả tiền lãi. Tại phiên tòa anh Đ không có ý kiến đề nghị gì về số tiền đã trả lãi cho anh M. Trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ anh M thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh Đ trả đầy đủ số tiền vay nợ gốc là 150.000.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải trả thêm khoản tiền lãi nào từ thời điểm vay đến ngày xét xử, quan điểm của bị đơn đồng ý toàn bộ số tiền nợ gốc nhưng xin trả dần làm nhiều lần trong nhiều năm. Xét thấy việc yêu cầu trả nợ của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật, việc tự nguyện không yêu cầu trả thêm khoản tiền lãi nào khác là sự tự nguyện của nguyên đơn. Do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm của bị đơn không phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng vay tài sản nên không được chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Vụ án là kiện đòi tài sản. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh M không yêu cầu anh Đ phải thanh toán tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức Đ phải nộp án phí có giá ngạch đối với giá trị tài sản có tranh chấp là 150.000.000 đồng x 5% của phần giá trị tài sản có tranh chấp = 7.500.000 đồng. Anh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 280, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc M đối với anh Nguyễn Đức Đ.

2. Buộc anh Nguyễn Đức Đ phải trả anh anh Nguyễn Ngọc M số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đ không thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên tổng dư nợ gốc còn lại.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức Đ phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Nguyễn Ngọc M số tiền 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0005158 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Duẩn

